

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (024) 974 5081/82 Fax: (024) 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 Lê Tấn Bê - P.An Lạc - Q.Bình Tân - TP HCM

Điện thoại: 08. 37672278 Fax: 08. 37672278

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Soát xét thông tin tài chính	05 - 06
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm 2017	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2017	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2017	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|-----------------|
| - Ông Lý Đình Sang | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đinh Văn Minh | Thành viên HĐQT |
| - Bà Lê Minh Tú | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Minh | Thành viên HĐQT |
| - Ông Đỗ Thành Chung | Thành viên HĐQT |

Ban Giám đốc:

- | | |
|----------------------------|----------------|
| - Ông Trần Ngọc Bửu Trân | Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Hồ Trúc Phương | Kế toán trưởng |

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ Phần Dầu thực vật Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309802048, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2015. Theo đó:

- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng)
- Trụ sở chính của Công ty: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và phế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện đúng theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và thực hiện đúng theo quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP.HCM);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, đường hàng không);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường và không hoạt động tại trụ sở).

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho năm tài chính 2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 27.

4. Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017;

- Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN



Giám đốc

Trần Ngọc Bửu Trân



Số: *250*/2017/BCSX/BCTC/CPAHANOI

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn, được lập ngày 17/07/2017, từ trang 07 đến 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)**

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Ngọc Tinh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.590.462.746	135.109.154.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77.410.168	78.154.927
1. Tiền	111		77.410.168	78.154.927
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.899.439.193	102.870.875.425
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	67.417.211.625	47.610.413.765
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.215.399.928	25.642.119.048
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.266.827.640	29.618.342.612
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	32.554.164.774	32.113.071.975
1. Hàng tồn kho	141		32.554.164.774	32.113.071.975
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.448.611	47.051.728
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.064.571	46.667.688
2. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		384.040	384.040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.564.763.946	98.570.496.979
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.569.654.375	4.569.654.375
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.569.654.375	4.569.654.375
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		93.892.960.210	93.892.960.210
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6	95.000.000.000	95.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	254		(1.107.039.790)	(1.107.039.790)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		102.149.361	107.882.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	102.149.361	107.882.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232.155.226.692	233.679.651.034

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.830.476.914	5.070.658.295
I. Nợ ngắn hạn	310		3.830.476.914	5.070.658.295
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.113.980.877	3.690.497.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	-	9.318.993
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.10	21.942.792	430.302.922
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	-	330.000.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		694.553.245	610.539.116
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228.324.749.778	228.608.992.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	228.324.749.778	228.608.992.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.999.645.607	1.831.617.349
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.325.104.171	26.777.375.390
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		26.237.333.003	25.097.092.804
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		87.771.168	1.680.282.586
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.155.226.692	233.679.651.034

TP HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu



Tổng Thị Thùy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 Lê Tấn Bê - P. An Lạc - Q. Bình Tân - TP HCM

Điện thoại: 08. 37672278 Fax: 08. 37672278

Mẫu số B02a-DN
Báo cáo tài chính
cho 06 tháng đầu năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II và lũy kế 06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	I	2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.914.972.600	63.781.138.400	35.166.452.564	122.689.792.500
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	27.914.972.600	63.781.138.400	35.166.452.564	122.689.792.500
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	27.377.460.700	60.917.769.500	34.192.200.746	119.391.902.490
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		537.511.900	2.863.368.900	974.251.818	3.297.890.010
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	230.815	20.445	314.887	46.931
7.	Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	40.718.828	15.000.000	338.322.021	15.000.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	222.668.957	265.686.093	525.688.415	164.369.210
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		274.354.930	2.582.703.252	110.556.269	3.118.567.731
11.	Thu nhập khác	31			374.151		374.151
12.	Chi phí khác	32	VI.8			6.431	
13.	Lợi nhuận khác	40		-	374.151	(6.431)	374.151
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		274.354.930	2.583.077.403	110.549.838	3.118.941.882
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	21.942.792	516.615.481	21.942.792	588.020.062
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 27 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		252.412.138	2.066.461.922	88.607.046	2.530.921.820
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10			4	127
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

TP HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu



Tống Thị Thùy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trần

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm 06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	18.876.134.546	117.615.442.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(36.027.594.299)	(117.789.974.006)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(152.694.000)	(56.076.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(430.302.922)	(1.232.005.632)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	250.000.000	1.000.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(516.602.971)	(39.194.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.001.059.646)	(501.808.038)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	18.000.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	314.887	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.000.314.887	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hài	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(744.759)	(501.808.038)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	78.154.927	9.980.249.000
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61	77.410.168	9.478.441.000
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	70	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	-	-

TP HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Tổng Thị Thùy

Tổng Thị Thùy

Kế toán trưởng

NH

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Trần Ngọc Bửu Trân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho 06 tháng đầu năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Dầu thực vật Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309802048, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2015. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu kinh doanh về Dầu thực vật và thực phẩm chức năng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và phế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện đúng theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và thực hiện đúng theo quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP.HCM);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển);

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, đường hàng không);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường và không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K và Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- 1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- 3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ. tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước).
- 6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- 6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- 7.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định

Loại tài sản

Thời gian KH

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 50 năm

Máy móc thiết bị

04 - 15 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

03 - 10 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 07 năm

Tài sản cố định vô hình

03 - 50 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 12.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 12.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

14.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	57.579.608	34.310.661
Tiền gửi Ngân hàng	19.830.560	43.844.266
Cộng	77.410.168	78.154.927
2. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a, <i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>67.417.211.625</i>	<i>47.610.413.765</i>
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng - khách hàng khác	7.837.216.081	6.040.950.449
b, <i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>59.579.995.544</i>	<i>41.569.463.316</i>
- Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	32.406.093.316	41.569.463.316
- Công ty CP Sacha Inchi Việt Nam	27.173.902.228	-
Cộng	67.417.211.625	47.610.413.765
3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP SENVINA	99.999.999	2.630.466.938
Công ty TNHH thương mại xây dựng sản xuất Hoàng Hà (*)	22.000.000.000	22.000.000.000
Khách hàng khác	115.399.929	1.011.652.110
Cộng	22.215.399.928	25.642.119.048

(*) Là khoản tạm ứng đến 8% giá trị Hợp đồng xây lắp 01/HĐKT-KTKH/HH-TVSD ngày 26/08/2014 về việc xây dựng nhà xưởng và cung cấp lắp đặt bồn chứa cho nhà máy dầu thực vật Sài Gòn tại 170/2 đường Phạm Hùng, P.9, thành phố Vĩnh Long. Tuy nhiên, do không xin được giấy phép Xây dựng nên Công trình đã tạm dừng và chưa có thời gian cụ thể sẽ tiếp tục. Và Bên Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất Hoàng Hà đã thống nhất trả lại số tiền trên theo Biên bản thỏa thuận. Năm 2016 đã trả 3.000.000.000, còn lại sẽ trả vào thời điểm 30/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B09a-DN

Địa chỉ: Số 9/50 Lê Tấn Bê - P.An Lạc - Q.Bình Tân - TP HCM

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Điện thoại: 08. 37672278 Fax: 08. 37672278

cho 06 tháng đầu năm 2017

4. Phải thu ngắn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.940.000.000	-	7.290.000.000	-
Lợi nhuận được phân chia từ Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	-	-	4.250.000.000	-
Phải thu ngắn khác	4.326.827.640	-	18.078.342.612	-
Cộng	11.266.827.640	-	29.618.342.612	-
5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.000.000	-
Hàng hoá	32.554.164.774	-	32.110.071.975	-
Cộng	32.554.164.774	-	32.113.071.975	-
6. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh (*)	95.000.000.000	-	95.000.000.000	-
Cộng	95.000.000.000	-	95.000.000.000	-

(*) Là khoản góp vốn theo Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCD ngày 26/01/2015. Tỷ lệ biểu quyết tại Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh là 47,5%, Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh là bị lỗ, do đó đã trích lập quỹ dự phòng giảm giá Đầu tư sau khi đã trừ đi 20.000.000.000 đồng tiền vốn góp hợp tác kinh doanh vào dự án xây Cắm gạo.

7. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dài hạn	102.149.361	-	107.882.394	-
Cộng	102.149.361	-	107.882.394	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 Lê Tấn Bê - P.An Lạc - Q.Bình Tân - TP HCM
 Điện thoại: 08. 37672278 Fax: 08. 37672278

Mẫu số B09a-DN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho 06 tháng đầu năm 2017

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
8. Phải trả người bán				
Công ty CP xây dựng 620 - Bình Minh (CP Bê tông 620 Châu Thới)	2.409.797.770	2.409.797.770	2.409.797.770	2.409.797.770
Công ty TNHH Dầu thực vật Bình An	442.363.868	442.363.868	1.022.363.868	1.022.363.868
Các khách hàng khác	261.819.239	261.819.239	258.335.626	258.335.626
Cộng	3.113.980.877	3.113.980.877	3.690.497.264	3.690.497.264
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
9. Người mua trả tiền trước				
Công ty TNHH Đức Thành		-		9.318.993
Cộng		-		9.318.993
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	430.302.922	21.942.792	430.302.922	21.942.792
Cộng	430.302.922	21.942.792	430.302.922	21.942.792
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
11. Phải trả khác				
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	-	-	330.000.000	330.000.000
Cộng	-	-	330.000.000	330.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 Lê Tấn Bê - P. An Lạc - Q. Bình Tân - TP HCM

Điện thoại: 08. 37672278 Fax: 08. 37672278

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho 06 tháng đầu năm 2017

12. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	1.831.617.349	25.147.736.202	226.979.353.551
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	1.680.282.586	1.680.282.586
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(50.643.398)	(50.643.398)
2. Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	1.831.617.349	26.777.375.390	228.608.992.739
3. Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	1.831.617.349	26.777.375.390	228.608.992.739
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	88.607.046	88.607.046
- Tăng khác	-	168.028.258	-	168.028.258
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(540.878.265)	(540.878.265)
4. Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	1.999.645.607	26.325.104.171	228.324.749.778

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoàng Thị Thúy Hà	5%	10.000.000.000	10.000.000.000
Lê Thiên Thạch	25%	50.000.000.000	50.000.000.000
Lê Thị Kim Trinh	5%	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	10%	20.000.000.000	20.000.000.000
Trần Ngọc Bửu Trân	5%	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	50%	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng		200.000.000.000	200.000.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.999.645.607	1.831.617.349
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán thành phẩm	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Doanh thu bán hàng hóa	35.166.452.564	122.689.792.500
Cộng	35.166.452.564	122.689.792.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.166.452.564	122.689.792.500
4. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Giá vốn thành phẩm	-	-
Giá vốn hàng hóa	34.192.200.746	119.391.902.490
Cộng	34.192.200.746	119.391.902.490
5. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	314.887	46.931
Cộng	314.887	46.931
6. Chi phí bán hàng	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.322.021	15.000.000
Cộng	338.322.021	15.000.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	168.358.000	152.694.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.948.591	2.919.800
Thuế, phí, lệ phí	6.620.500	1.635.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.987.518	7.119.930
Chi phí bằng tiền khác	60.773.806	-
Cộng	525.688.415	164.369.210
8. Chi phí khác	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí xử lý công nợ	6.431	-
Cộng	6.431	-
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.549.838	3.118.941.882

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(835.878)	(178.841.572)
+ Điều chỉnh tăng	-	
+ Điều chỉnh giảm	835.878	178.841.572
Tổng lợi nhuận chịu thuế	109.713.960	2.940.100.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	21.942.792	588.020.062
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp	21.942.792	588.020.062
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	88.607.046	2.530.921.820
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.607.046	2.530.921.820
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	20.000.000	20.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4	127

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn Cổ phần trừ (-) đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	77.410.168	77.410.168
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	100.899.439.193	100.899.439.193

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	0
Phải trả người bán	3.113.980.877

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	3.113.980.877	-	3.113.980.877
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	06 tháng đầu năm 2017
* Tiền thu từ bán hàng: (MS 01)	18.876.134.546
Thu nợ cũ	18.876.134.546
Thu tiền bán hàng trong kỳ	-
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS 02)	(36.027.594.299)
Trả cho người cung cấp hàng hóa	(36.027.594.299)
Trả cho người cung cấp dịch vụ	-
* Tiền chi trả lãi vay: (MS 04)	-
Tổng lãi phát sinh phải trả	-
Số đã trả	-
* Tiền chi mua sắm tài sản cố định: (MS 21)	-
Nguyên giá tài sản cố định mua kỳ này	-
Chi trả tiền mua tài sản cố định kỳ này và những kỳ trước	-
* Tiền thu từ đi vay (MS 33)	-
Vay nhận được bằng tiền gửi ngân hàng	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Vay trả thẳng nhà cung cấp
- Vay trả lương
- Vay nộp thuế GTGT, thuế Nhập khẩu
- Vay khác

* **Tiền chi trả nợ gốc vay (MS 34)**

Trả gốc vay bằng tiền gửi ngân hàng

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho 06 tháng cuối năm 2017.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K và Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI), một số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp kỳ này.

4. Thông tin giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	06 tháng đầu năm 2017
Thù lao Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực nhận	288.000.000
<i>Trong đó:</i>	
+ Thù lao Hội đồng quản trị	168.000.000
+ Thù lao của Ban kiểm soát	120.000.000

5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	42,46%	42,18%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	57,54%	57,82%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	1,65%	2,17%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	98,35%	97,83%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	60,61	46,08
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	34,88	26,65
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	26,38	20,31
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,31%	2,54%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,25%	2,06%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0,05%	0,76%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,04%	0,59%

Người lập biểu

Tống Thị Thùy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Trúc Phương

TP HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2017



Giám đốc

Trần Ngọc Bửu Trân